



CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bắc Ninh, tháng 3/2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Ngân Sơn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

- | | |
|--------------------------|------------------------------------|
| - Ông Vương Đình Hải | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty |
| - Ông Nguyễn Đức Thanh | Thành viên HĐQT |
| - Ông Đỗ Điệp Anh | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Đình Trường | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Chí Thanh | Phó Giám đốc |
| - Ông Trần Đình Thanh | Phó Giám đốc |
| - Ông Trần Đăng Tuyết | Phó Giám đốc |

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Ngân Sơn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Ngân Sơn (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28/03/2018 và được trình bày từ trang số 4 đến trang số 35 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã nêu tại thuyết minh số 35 và các thuyết minh có liên quan trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính đề cập các số liệu và thông tin về vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015 xảy ra tại kho hàng hóa của Công ty đã gây thiệt hại các loại nguyên liệu thuốc lá lá, thuốc lá đã tách cọng và tài sản là kho chứa với giá gốc ước tính khoảng 309 tỷ đồng bao gồm giá trị hàng hóa và tài sản của Công ty và khách hàng gửi kho. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty và đơn vị bảo hiểm đã thống nhất số tiền được bảo hiểm bồi thường là 242.963.955.526 đồng. Công ty đã nhận đủ toàn bộ số tiền bồi thường và đã điều chỉnh các số liệu và thông tin liên quan đến sự kiện hỏa hoạn này trong báo cáo tài chính năm 2017 theo quy định.



Vũ Bình Minh
Phó Tổng giám Đốc
Số giấy CNĐKHNT 0034-2018-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Bùi Quốc Trung
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHNT kiểm toán 1937-2018-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		324.245.561.851	369.937.621.604
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.236.501.108	18.841.107.724
1. Tiền	111		10.236.501.108	18.841.107.724
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.601.197.951	261.610.580.049
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	108.070.901.674	90.737.365.769
2. Trả trước cho người bán	132		7.554.914.425	2.234.120.498
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	42.138.977.802	427.300.149
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(163.595.950)	(539.276.245)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	-	168.751.069.878
III. Hàng tồn kho	140	10	135.341.190.829	79.117.011.757
1. Hàng tồn kho	141		135.341.190.829	79.117.011.757
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.066.671.963	10.368.922.074
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.654.449.293	3.274.241.375
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.412.222.670	6.739.574.030
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	-	355.106.669
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.479.639.260	130.018.055.422
I. Tài sản cố định	220		80.794.440.215	100.735.572.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	80.794.440.215	100.735.572.673
- Nguyên giá	222		223.506.454.429	223.970.993.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142.712.014.214)	(123.235.420.509)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		412.666.000	412.666.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(412.666.000)	(412.666.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.004.023.803	362.487.211
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	21.004.023.803	362.487.211
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.750.000.000	6.750.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	6.750.000.000	6.750.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		23.931.175.242	22.169.995.538
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	23.931.175.242	22.169.995.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		456.725.201.111	499.955.677.026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		285.079.560.650	343.095.589.983
I. Nợ ngắn hạn	310		256.654.560.650	334.701.619.683
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	83.881.834.403	33.445.271.951
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	8.822.684.349	15.444.353.349
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.085.125.975	204.410.121
4. Phải trả người lao động	314		3.860.142.085	6.399.274.571
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	6.975.775.498	7.092.207.983
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	8.027.947.032	137.190.320.397
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	140.541.331.783	133.150.417.260
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.316.429.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.143.290.525	1.775.364.051
II. Nợ dài hạn	330		28.425.000.000	8.393.970.300
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	28.425.000.000	8.393.970.300
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		171.645.640.461	156.860.087.043
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	171.645.640.461	156.860.087.043
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		112.020.030.000	112.020.030.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.351.574.000	16.351.574.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.731.165.574	31.731.165.574
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.961.610.970	3.961.610.970
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.581.259.917	(7.204.293.501)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.204.293.501)	(22.249.876.403)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.785.553.418	15.045.582.902
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		456.725.201.111	499.955.677.026

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Bích Hiền

Kế toán trưởng



Phạm Thành Liêm

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

MẪU SỐ B02- DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	564.164.168.906	802.034.883.247
2. Các khoản giảm trừ	02	24	4.750.000.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		559.414.168.906	802.034.883.247
4. Giá vốn hàng bán	11	25	464.113.576.276	723.554.043.748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.300.592.630	78.480.839.499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.830.300.270	1.014.856.925
7. Chi phí tài chính	22	27	10.065.480.431	10.465.244.879
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.900.751.334	10.302.608.881
8. Chi phí bán hàng	24	28	24.454.986.708	11.003.535.393
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	47.776.008.138	42.884.366.108
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.834.417.623	15.142.550.044
11. Thu nhập khác	31	31	103.077.979.162	90.349.185.455
12. Chi phí khác	32	31	101.867.299.318	90.446.152.597
13. Lợi nhuận khác	40	31	1.210.679.844	(96.967.142)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.045.097.467	15.045.582.902
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	1.259.544.049	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.785.553.418	15.045.582.902
17. Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.320	1.343

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Bích Hiền

Kế toán trưởng



Phạm Thành Liêm

Giám đốc




Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.045.097.467	15.045.582.902
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	20.092.849.033	20.815.833.627
- Các khoản dự phòng	03	(375.680.295)	(3.496.667.069)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.486.192	88.115.284
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(129.285.235)	600.705.990
- Chi phí lãi vay	06	9.900.751.334	10.302.608.881
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.545.218.496	43.356.179.615
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(69.045.064.662)	29.262.374.554
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(56.224.179.072)	(10.328.528.452)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(20.192.289.049)	(101.418.438.044)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.141.387.622)	(4.753.933.570)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.408.803.819)	(8.913.056.096)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(624.602.488)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	103.443.979.162	91.821.200.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.080.186.000)	(21.065.210.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.102.712.566)	17.335.985.519
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.657.046.621)	(3.124.934.341)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	51.772.727	36.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	77.512.508	381.505.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.527.761.386)	(2.707.428.815)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	529.672.466.941	505.435.181.426
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(502.213.022.718)	(506.409.196.177)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(482.637.000)	(707.664.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.976.807.223	(1.681.679.501)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.653.666.729)	12.946.877.203
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.841.107.724	5.895.253.370
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	49.060.113	(1.022.849)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.236.501.108	18.841.107.724

Người lập



Nguyễn Bích Hiền

Kế toán trưởng



Phạm Thành Liêm

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Giám đốc




Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ngân Sơn (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1738/QĐ-TCCB ngày 13/5/2005 và Quyết định số 2203/QĐ-TCCB ngày 4/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Nguyên liệu Thuốc lá Bắc là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103009019 ngày 31/8/2005; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 số 0100100199 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh ngày 12/8/2016. Vốn điều lệ là 112.020.030.000 đồng tương ứng với 11.202.003 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết cổ đông:

- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 64.635.890 cổ phiếu tương ứng với 64.635.890.000 đồng, chiếm 57,70 % vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long nắm giữ 722.640 cổ phiếu tương ứng với 7.226.400.000 đồng, chiếm 6,45 % vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn nắm giữ 681.346 cổ phiếu tương ứng với 6.813.460.000 đồng chiếm 6,08 % vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Một thành viên Viện Thuốc lá nắm giữ 566.101 cổ phiếu tương ứng với 5.661.010.000 đồng chiếm 5,06 % vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa nắm giữ 436.468 cổ phiếu tương ứng với 4.364.680.000 đồng chiếm 3,9 % vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Bắc Sơn nắm 25.902 cổ phiếu tương ứng với 259.020.000 đồng chiếm 0,23% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 2.305.957 cổ phần tương ứng với 23.059.570.000 đồng, chiếm 20,59% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 350 người, trong đó cán bộ quản lý là 34 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 372 người, trong đó cán bộ quản lý là 32 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh đa ngành.**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào. Chi tiết: Sơ chế thuốc lá, các hoạt động trồng cây thuốc lá, thuốc Lào để quản thuốc lá điếu (xì gà) và để chế biến thuốc lá, thuốc Lào;
- Sản xuất và mua bán vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu làm thuốc) và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê);
- Gia công cơ khí; sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá thuốc Lào;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn phân bón (trừ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Ngày 19/08/2015, Công ty đã xảy ra hỏa hoạn tại kho hàng hóa, gây thiệt hại các loại nguyên liệu thuốc lá lá, thuốc lá đã tách cọng và tài sản là kho chứa với giá gốc ước tính được ghi nhận khoảng 309 tỷ đồng bao gồm giá trị hàng hóa và tài sản của Công ty và khách hàng gửi kho. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty và đơn vị bảo hiểm đã thống nhất số tiền bảo hiểm là 242.963.955.516 đồng. Công ty đã nhận đủ toàn bộ số tiền bồi thường. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 35 và các thuyết minh liên quan khác của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh) của Công ty như sau:

- Văn phòng Công ty tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Xí nghiệp chế biến Nguyên liệu thuốc lá tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang - chấm dứt hoạt động của chi nhánh từ ngày 20/10/2017 theo Quyết định số 371/QĐ - NSC ngày 20/10/2017 của Hội đồng quản trị;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên - chấm dứt hoạt động của chi nhánh từ ngày 20/10/2017 theo Quyết định số 372/QĐ - NSC ngày 20/10/2017 của Hội đồng quản trị;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn - dừng hoạt động từ ngày 07/11/2017 theo thông báo của Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn.

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh được

Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản nợ, tài sản và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ kế toán). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Mức khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản khác	3 - 5

Tháng 8/2012, Công ty đã ghi tăng nguyên giá của dây truyền sơ chế, tách cọng công suất 24.000 tấn/năm theo giá tạm tính. Ngày 11/09/2017, Công ty ban hành Quyết định số 335/QĐ - NSC về việc điều chỉnh nguyên giá các hạng mục tài sản thuộc dự án đầu tư trên với giá trị là 130.759.581.082 đồng. Công ty đã thực hiện điều chỉnh nguyên giá và giá trị khấu hao theo giá trị quyết toán được phê duyệt trong năm 2017.

4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***4.9. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất tại KCN Tiên Sơn được phân bổ theo thời gian thuê đất, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ trong thời gian không quá 36 tháng và các khoản chi phí sửa chữa, bảo hiểm hiểm khác.

4.10. Quỹ tiền lương

Công ty đang thực hiện trích quỹ tiền lương theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

4.11. Quỹ đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá

Quỹ đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá được trích theo quy định tại Thông tư 164/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính quy định về việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá. Từ năm 2012 đến nay, Công ty không tiếp tục thực hiện trích quỹ đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.14. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.15. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc các khoản nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc các định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 34.

4.17. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

5. TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	833.853.425	484.894.724
Tiền gửi ngân hàng	9.402.647.683	18.356.213.000
Cộng	<u>10.236.501.108</u>	<u>18.841.107.724</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	70.026.788.600	51.119.057.750
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	2.666.160.000	11.982.800.000
Hong Kong King Grain International Trading Limited	10.781.993.236	8.635.477.500
Central Line (HK) Limited	5.365.603.610	4.246.724.580
Công ty TNHH MTV thuốc lá An Giang	-	3.920.000.000
Công ty TNHH đầu tư phát triển Tâm Thịnh	687.697.334	2.403.549.943
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Quyết Thắng	-	1.735.009.307
Elite Way (HK) Limited	4.170.089.825	1.389.386.445
Hong Kong Super Gain Tobacco Trading Limited	-	536.686.135
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	665.610.584	11.466.000
Các khách hàng khác	13.706.958.485	4.757.208.109
Cộng	<u>108.070.901.674</u>	<u>90.737.365.769</u>
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (*)	79.497.933.937	67.485.572.180

(*) Chi tiết số dư khoản phải thu các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 34.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	405.520.000	-	65.000.000	-
Thuế nhập khẩu của hàng hóa bị thiệt hại chờ hoàn (1)	1.063.392.174	-	362.300.149	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn (2)	36.156.600.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long (3)	4.139.262.144	-	-	-
Các khoản phải thu khác	374.203.484	-	-	-
Cộng	<u>42.138.977.802</u>	<u>-</u>	<u>427.300.149</u>	<u>-</u>

- (1) Khoản thuế nhập khẩu hàng hóa bị thiệt hại do vụ cháy - Công ty đang làm thủ tục xin hoàn thuế.
- (2) Khoản thu khác phần giá trị hàng nhập khẩu ủy thác lô hàng 300.000 kg thuốc lá lá - Công ty đã nhập khẩu và xuất trả cho Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn theo hợp đồng nhập khẩu ủy thác số 13/HĐUT/NL/17 ngày 01/12/2017.
- (3) Khoản phải thu khác phần giá trị hàng nhập khẩu và thuế nhập khẩu ủy thác lô hàng Công ty đã nhập khẩu ủy thác và xuất trả hàng cho Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long theo hợp đồng nhập khẩu ủy thác số HĐ 279/HĐ-TLTL ngày 07/03/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

8. NỢ XẤU

	31/12/2017				01/01/2017			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn
Hong Kong super Gain	-	-	-	Trên 2 năm	589.602.470	213.922.175	375.680.295	Trên 2 năm
Tobacco Trading Limited	20.113.000	-	20.113.000	Trên 3 năm	20.113.000	-	20.113.000	Trên 3 năm
Cửa hàng Tuấn Dung	24.825.700	-	24.825.700	Trên 3 năm	24.825.700	-	24.825.700	Trên 3 năm
Khổng Thu Hồng	10.000.000	-	10.000.000	Trên 3 năm	10.000.000	-	10.000.000	Trên 3 năm
Nguyễn Như Hùng	34.432.000	-	34.432.000	Trên 3 năm	34.432.000	-	34.432.000	Trên 3 năm
Nguyễn Thị Huệ	10.880.000	-	10.880.000	Trên 3 năm	10.880.000	-	10.880.000	Trên 3 năm
Nguyễn Thị Lan	8.253.750	-	8.253.750	Trên 3 năm	8.253.750	-	8.253.750	Trên 3 năm
Nguyễn Thị Mỹ	15.000.000	-	15.000.000	Trên 3 năm	15.000.000	-	15.000.000	Trên 3 năm
Nguyễn Văn Công	7.218.000	-	7.218.000	Trên 3 năm	7.218.000	-	7.218.000	Trên 3 năm
Phạm Văn Hiến	5.306.500	-	5.306.500	Trên 3 năm	5.306.500	-	5.306.500	Trên 3 năm
Trần Thị Thanh Tâm	20.000.000	-	20.000.000	Trên 3 năm	20.000.000	-	20.000.000	Trên 3 năm
Vũ Thị Thu	7.567.000	-	7.567.000	Trên 3 năm	7.567.000	-	7.567.000	Trên 3 năm
Đào Thị Thảo								
Cộng	163.595.950	-	163.595.950		753.198.420	213.922.175	539.276.245	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

Giá trị tài sản thiếu đầu kỳ là giá trị tài sản của Công ty bị tổn thất phát sinh từ vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015. Ngày 04/12/2017, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo minh đã thông báo bồi thường số tiền 242.963.955.526 đồng theo thỏa thuận thống nhất giữa các Bên. Công ty đã thực hiện ghi sổ kế toán và điều chỉnh các khoản mục liên quan theo quy định. Xem bổ sung thêm Thuyết minh số 35 - Thông tin chi tiết về vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.739.787.432	-	21.269.345.294	-
Công cụ dụng cụ	380.119.192	-	101.571.328	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.542.793.324	-	26.410.824.264	-
Thành phẩm	60.717.508.616	-	14.579.542.400	-
Hàng hóa	876.196.973	-	825.191.155	-
Hàng gửi đi bán	84.785.292	-	15.930.537.316	-
Cộng	135.341.190.829	-	79.117.011.757	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.654.449.293	3.274.241.375
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	467.714.578	3.581.250
- Phí bảo hiểm trả một lần	540.413.727	1.127.398.104
- Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	15.866.642	31.483.403
- Chi phí thuê kho	-	2.111.778.618
- Chi phí khác	1.630.454.346	-
Chi phí trả trước dài hạn	23.931.175.242	22.169.995.538
- Tiền thuê đất tại KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh	16.402.545.585	16.905.655.749
- Giá trị CCDC chờ phân bổ	2.387.261.031	1.196.036.098
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	4.575.542.456	3.544.682.304
- Chi phí khác	565.826.170	523.621.387
Cộng	26.585.624.535	25.444.236.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2017	85.665.035.832	126.513.312.489	9.373.654.813	814.409.904	1.604.580.144	223.970.993.182
Tăng trong năm	-	1.320.646.931	15.781.455	225.772.682	-	1.562.201.068
Mua sắm trong năm	-	355.750.000	-	225.772.682	-	581.522.682
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	409.090.909	-	-	-	409.090.909
Tặng khác	-	148.307.876	-	-	-	148.307.876
Tặng do phân loại lại tài sản	-	407.498.146	15.781.455	-	-	423.279.601
Giảm trong năm	1.344.091.246	117.396.828	498.858.495	22.067.455	44.325.797	2.026.739.821
Thanh lý trong năm	-	117.396.828	498.858.495	-	-	616.255.323
Giảm khác	987.204.897	-	-	-	-	987.204.897
Giảm do phân loại lại tài sản	356.886.349	-	-	22.067.455	44.325.797	423.279.601
Tại 31/12/2017	84.320.944.586	127.716.562.592	8.890.577.773	1.018.115.131	1.560.254.347	223.506.454.429
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2017	55.314.927.098	58.263.891.942	7.583.226.483	738.365.558	1.335.009.428	123.235.420.509
Tăng trong năm	6.999.525.982	13.060.869.004	518.640.286	75.137.116	96.876.396	20.751.048.784
Khấu hao trong năm	6.999.525.982	12.402.669.253	518.640.286	75.137.116	96.876.396	20.092.849.033
Tặng do phân loại lại tài sản	-	658.199.751	-	-	-	658.199.751
Giảm trong năm	567.626.616	117.396.828	503.269.254	86.162.381	-	1.274.455.079
Thanh lý	-	117.396.828	498.858.500	-	-	616.255.328
Giảm do phân loại lại tài sản	567.626.616	-	4.410.754	86.162.381	-	658.199.751
Tại 31/12/2017	61.746.826.464	71.207.364.118	7.598.597.515	727.340.293	1.431.885.824	142.712.014.214
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	30.350.108.734	68.249.420.547	1.790.428.330	76.044.346	269.570.716	100.735.572.673
Tại 31/12/2017	22.574.118.122	56.509.198.474	1.291.980.258	290.774.838	128.368.523	80.794.440.215

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại 31/12/2017 là: 36.378.618.364 đồng (tại 31/12/2016 là 28.997.694.878 đồng).
 Giá trị tài sản đảm bảo: Dây truyền sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá công suất 24.000 tấn/năm được sử dụng để thế chấp cho Hợp đồng vay số 16/HĐTDDH-NHCT ĐA ngày 07/11/2011 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị	Cộng
	quyền sử dụng đất VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2017	412.666.000	412.666.000
Tại 31/12/2017	412.666.000	412.666.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2017	412.666.000	412.666.000
Tăng trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Tại 31/12/2017	412.666.000	412.666.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	-	-
Tại 31/12/2017	-	-

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc tr.đồng	Dự phòng tr.đồng	Giá trị hợp lý tr.đồng	Giá gốc tr.đồng	Dự phòng tr.đồng	Giá trị hợp lý tr.đồng
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	6.750	-	6.750	6.750	-	6.750
Cộng	6.750	-	6.750	6.750	-	6.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hạn				
ELITE WAY (HK) LIMITED	36.156.600.000	36.156.600.000	-	-
Công ty TNHH thương mại Toàn Năng	27.273.180.000	27.273.180.000	-	-
Hanchen Tobacco (Hong Kong) Limited	4.139.262.144	4.139.262.144	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Liên Sơn	2.007.800.000	2.007.800.000	-	-
Công ty TNHH vận tải thương mại Việt Hưng	1.872.863.520	1.872.863.520	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665	1.748.422.000	1.748.422.000	-	-
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Nam Vân Đạt	842.814.153	842.814.153	-	-
Công ty TNHH Cường Lập	133.516.119	133.516.119	11.225.533.499	11.225.533.499
Công ty Dầu tư và Phát triển hạ tầng Viglacera	-	-	467.500.000	467.500.000
Công ty TNHH thương mại và giao nhận vận tải TLC	818.400.000	818.400.000	6.554.394.000	6.554.394.000
Công ty TNHH thương mại Tuyết Hương	-	-	4.905.263.600	4.905.263.600
Công ty TNHH thương mại và giao nhận vận tải quốc tế Trang Huy	1.113.395.580	1.113.395.580	2.631.672.000	2.631.672.000
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	1.027.410.000	1.027.410.000	1.539.312.500	1.539.312.500
Công ty TNHH XNK Trung Khánh	-	-	822.720.000	822.720.000
Công ty Cổ phần Bao bì Kinh Bắc	489.664.675	489.664.675	359.266.170	359.266.170
Các đối tượng khác	6.258.506.212	6.258.506.212	4.939.610.182	4.939.610.182
Cộng	83.881.834.403	12.432.128.739	33.445.271.951	33.445.271.951
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan (*)</i>	<i>13.435.000</i>		<i>255.928.000</i>	

(*) Chi tiết số dư khoản phải trả các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 34.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

16. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án đầu tư dây chuyền sợi (1)	19.521.016.541	-
Sửa chữa mở rộng nhà xưởng	811.584.545	-
Xây dựng chuyển đổi kho số 2	341.399.999	-
Khác	330.022.718	362.487.211
Cộng	21.004.023.803	362.487.211

- (1) Quyết định số 297b/QĐ - NSC ngày 24/08/2017 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư dây chuyền chế biến sợi thuốc lá và xây dựng phân xưởng phục vụ chế biến sợi thuốc lá đề xuất khấu với tổng mức đầu tư là 38.382.532.091 đồng bằng nguồn vốn vay thương mại và vốn vay Công ty Hanchen và nguồn sản xuất kinh doanh. Thời gian hoàn thành dự án dự kiến tháng 3/2018.

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Hùng Dũng MC	1.952.000.000	-
Công ty liên doanh BAT - VINATABA	6.535.000.000	15.008.900.000
Hanchen Tobacco (Hong Kong) Limited	167.859.148	169.778.080
Các khách hàng khác	167.825.201	265.675.269
Cộng	8.822.684.349	15.444.353.349

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	-	295.182.364	295.182.364	-
Thuế xuất, nhập khẩu	157.066.560	(157.066.560)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(355.106.669)	1.259.544.049	-	904.437.380
Thuế thu nhập cá nhân	47.343.561	271.853.262	138.508.228	180.688.595
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	686.000.776	686.000.776	-
Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Cộng	(150.696.548)	2.365.513.891	1.129.691.368	1.085.125.975

Trong đó:

Số thuế còn phải thu	355.106.669	-
Số thuế còn phải nộp	204.410.121	1.085.125.975

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay phải trả ngân hàng	127.008.226	110.619.760
Lãi vay phải trả TCT Thuốc lá Việt Nam	4.565.572.772	3.090.013.723
Lãi vay trái phiếu phải trả	719.978.500	719.978.500
Chi phí phải trả khác	1.563.216.000	3.171.596.000
Cộng	6.975.775.498	7.092.207.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản ngắn hạn	8.027.947.032	137.190.320.397
- Kinh phí công đoàn	72.632.445	101.780.446
- Bảo hiểm xã hội	-	864.110
- Bảo hiểm y tế	-	149.558
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	66.470
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.881.942.700	7.364.579.700
- Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	84.047.465	676.325.300
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long (1)	-	65.864.535.829
- Dự phòng tổn thất từ vụ cháy (2)	-	62.298.757.902
- Phải trả khác	989.324.422	883.261.082
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	6.881.942.700	7.364.579.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả (3)	6.881.942.700	7.364.579.700
Cộng	8.027.947.032	137.190.320.397

(1): Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long phản ánh giá trị hàng hóa gửi kho Công ty và chi phí có liên quan do hỏa hoạn ngày 19/08/2015 được các bên thống nhất theo Biên bản làm việc ngày 30/10/2015, các bên thống nhất đền bù bằng tiền hoặc hàng. Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đền bù bằng hình thức bù trừ với tiền bán hàng cho Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long.

(2): Trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý, thận trọng ảnh hưởng của sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 để ghi nhận một khoản chi phí dự phòng tổn thất. Ngày 4/12/2017, Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh đã có Thông báo bồi thường chung cuộc cho Công ty. Tổng số tiền bồi thường là 242.963.955.526 đồng. Công ty đã nhận được tiền bồi thường, đồng thời thực hiện điều chỉnh các số liệu và thông tin liên quan đến sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 trong báo cáo tài chính năm 2017 theo quy định. Chi tiết xem thêm thông tin vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015 tại Thuyết minh số 35 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(3): Là số cổ tức năm 2014 phải trả cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và các cổ đông là các đơn vị thành viên của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam cùng với một số cổ đông khác. Theo Thông báo số 811/TB-TLVN của Hội đồng thành viên Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam ngày 04/09/2015, các đơn vị thuộc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nhất trí tạm thời giãn nợ phải thu cổ tức cho đến khi Công ty khôi phục được hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán. Tại ngày 31/12/2017, Công ty còn phải trả các đơn vị thuộc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam số tiền là 6.817.961.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09 - DN

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	131.185.010.316	131.185.010.316	501.209.966.941	489.763.453.885	119.738.497.260	119.738.497.260
Vietinbank - Chi nhánh Đông Anh (1)	95.717.437.040	95.717.437.040	363.902.687.637	360.083.132.602	91.897.882.005	91.897.882.005
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lạng Sơn	-	-	5.026.666.800	5.026.666.800	-	-
VIB - Chi nhánh Ba Đình (2)	9.183.426.461	9.183.426.461	91.522.948.621	89.312.522.160	6.973.000.000	6.973.000.000
NHNo & PTNN tỉnh Lạng Sơn	-	-	-	-	-	-
Tổng công ty thuốc lá Việt Nam (3)	20.867.615.255	20.867.615.255	-	-	20.867.615.255	20.867.615.255
Vay ngắn hạn khác	5.416.531.560	5.416.531.560	40.757.663.883	35.341.132.323	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	9.356.321.467	9.356.321.467	8.393.970.300	12.449.568.833	13.411.920.000	13.411.920.000
Tổng công ty thuốc lá Việt Nam (4)	5.120.000.000	5.120.000.000	-	-	5.120.000.000	5.120.000.000
Vietinbank - Chi nhánh Đông Anh (5)	4.236.321.467	4.236.321.467	8.393.970.300	12.449.568.833	8.291.920.000	8.291.920.000
Vay dài hạn	28.425.000.000	28.425.000.000	28.462.500.000	8.431.470.300	8.393.970.300	8.393.970.300
Vietinbank - Chi nhánh Đông Anh (5)	-	-	-	8.393.970.300	8.393.970.300	8.393.970.300
Công ty TNHH Hanchen Tobacco (6)	28.425.000.000	28.425.000.000	28.462.500.000	37.500.000	-	-
Cộng	168.966.331.783	168.966.331.783	538.066.437.241	510.644.493.018	141.544.387.560	141.544.387.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Thuyết minh chi tiết các khoản vay ngắn hạn

(1) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 42/2017-HĐCVHM/NHCT144-NSC ngày 04/08/2017 với hạn mức tín dụng 200.000.000.000 đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành sản xuất thuốc lá của Công ty. Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng chậm nhất không vượt quá ngày 31/08/2018. Lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 006DN2010HDTD.2017 ngày 02/10/2017 với hạn mức vay là 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,7%/năm đối với Đồng Việt Nam.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 2412NS/1-HĐVV-12 ngày 24/12/2012 nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 20.867.615.255 đồng. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/03/2014 điều chỉnh thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2014. Đến thời hạn vay, trong trường hợp có nhu cầu tiếp tục sử dụng vốn, Công ty phải báo cáo bằng văn bản đề VINATABA xem xét và phê duyệt ra hạn. Lãi suất áp dụng là lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng từng kỳ. Phụ lục hợp đồng số 02 của hợp đồng vay vốn số 2412NS/HĐVV-12 gia hạn thời hạn vay đến 31/12/2015. Đến thời điểm hiện tại, các Bên chưa ký phụ lục gia hạn mới đối với khoản vay này.

Thuyết minh chi tiết các khoản vay dài hạn

(4) Khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng vay vốn số 05/HĐ - TLVN - 12 ngày 30/01/2012 với Tổng công ty Thuốc Lá Việt Nam với số tiền 5.120.000.000 đồng phục vụ "Dự án đầu tư đổi mới nâng cao năng lực sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá công suất 24.000 tấn/năm" với thời hạn vay 3 năm và lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/03/2014 điều chỉnh lãi suất của khoản vay/năm bằng: Lãi suất tối đa + 0,1%. Lãi suất tối đa là lãi suất tối đa các tổ chức tín dụng có thể áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 12 tháng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời điểm. Đến thời điểm hiện tại, các Bên chưa ký phụ lục gia hạn mới đối với khoản vay này.

(5) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số 16/HĐTDDH-NHCT ĐA ngày 07/11/2011, mục đích: Đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực dây chuyền sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá công suất 24.000 tấn/năm. Hạn mức vay là 46.000.000.000 đồng hoặc USD tương đương. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay theo phương thức lãi suất thả nổi. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị của dự án được chi tiết trong hợp đồng thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai số 68/HĐTC-NHCTĐA ngày 07/12/2011.

(6) Khoản vay dài hạn Công ty TNHH HANCHEN TOBACCO (HONGKONG) theo Hợp đồng vay vốn số 32/HĐVV ngày 30/06/2017, mục đích: Mở rộng sản xuất bằng cách đầu tư nhà xưởng sản xuất và các công trình phụ trợ của dự án đầu tư sản xuất chế biến sợi thuốc lá. Số tiền vay 1.250.000 USD. Thời hạn cho vay 5 năm tính từ thời điểm năm 2018

Chi tiết kế hoạch trả nợ vay dài hạn như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong năm đầu tiên	9.356.321.467	13.411.920.000
Trong năm thứ hai	5.685.000.000	8.291.920.000
Từ 3 đến 5 năm	22.740.000.000	102.050.300
Cộng	37.781.321.467	21.805.890.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	112.020.030.000	16.351.574.000	31.731.165.574	3.961.610.970	(22.249.876.403)	141.814.504.141
- Lãi trong năm	-	-	-	-	15.045.582.902	15.045.582.902
Tại ngày 31/12/2016	112.020.030.000	16.351.574.000	31.731.165.574	3.961.610.970	(7.204.293.501)	156.860.087.043
- Lãi trong năm	-	-	-	-	14.785.553.418	14.785.553.418
Tại ngày 31/12/2017	112.020.030.000	16.351.574.000	31.731.165.574	3.961.610.970	7.581.259.917	171.645.640.461

Cổ phiếu

	Vốn góp tại 31/12/2017		Vốn góp tại 01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng công ty Thuộc là Việt Nam	64.635.890.000	57,70%	64.635.890.000	57,70%
Công ty TNHH MTV Thuộc là Thăng Long	7.226.400.000	6,45%	7.226.400.000	6,45%
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	5.661.010.000	5,05%	5.661.010.000	5,05%
Công ty TNHH MTV Thuộc là Sài Gòn	6.813.460.000	6,05%	6.813.460.000	6,08%
Công ty TNHH MTV Thuộc là Thanh Hóa	4.364.680.000	3,90%	4.364.680.000	3,90%
Công ty TNHH MTV Thuộc là Bắc Sơn	259.020.000	0,23%	259.020.000	0,23%
Cổ đông khác	23.059.570.000	20,60%	23.059.570.000	20,60%
Cộng	112.020.030.000	100,0%	112.020.030.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vật tư hàng hóa nhận gia công, giữ hộ:

	31/12/2017	01/01/2017
	Kg	Kg
Nguyên liệu thuốc lá	1.421.746	3.913.188
CENTRAL LINE (HK) LIMITED	714.400	1.898.928
Hong Kong King Grain International Trading Limited	649.869	1.092.576
ELITE WAY (HK) LIMITED	-	921.684
Các đơn vị khác	57.477	-
Thành phẩm đã sơ chế, tách cọng	7.975.354	9.010.104
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	1.961.073	4.661.055
Công ty TNHH MTV Viện KTKT Thuốc Lá	275.256	667.862
Công ty TNHH Cường Lập	54.370	209.052
CENTRAL LINE (HK) LIMITED	1.021.200	1.580.800
ELITE WAY (HK) LIMITED	246.000	854.000
Hong Kong King Grain International Trading Limited	3.845.000	699.800
Melt Thai International Industrial co.,limited	71.000	-
Các đơn vị khác	501.455	337.535
Công ty TNHH ĐT-TM - DV Tổng hợp Hưng Thịnh	-	272.029
ELITE WAY (Hong Kong) LIMITED Company	246.000	168.600
Công ty TNHH MTV TM&XNK Việt Trung	11.600	101.508
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	-	42.081
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật	-	41.987
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và Phát triển Thanh Bình	19.888	41.491
Công ty TNHH thương mại và đầu tư phát triển Việt Hùng	31.161	38.587
Công ty TNHH DVTM Ngân Kiên Phát	-	18.200
Công ty TNHH MTV Huy Ngọc Phú Túc	-	1.153
Doanh Nghiệp tư nhân Thế Hưng	-	774
Công ty Cổ phần DVTM Đồng Tâm	113.382	135
Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư M&M	-	90

Ngoại tệ:

	31/12/2017	01/01/2017
- USD	278.075,56	97.691,51

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán nguyên liệu thuốc lá	404.362.461.960	690.110.933.323
Doanh thu sơ chế tách cọng	121.355.836.683	75.179.253.218
Doanh thu khác	38.445.870.263	36.744.696.706
Cộng doanh thu	564.164.168.906	802.034.883.247
Các khoản giảm trừ doanh thu: hàng bán bị trả lại	4.750.000.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	559.414.168.906	802.034.883.247
<i>Trong đó: doanh thu với các bên liên quan (*)</i>	<i>415.947.866.590</i>	<i>701.751.468.160</i>

(*) Chi tiết số dư khoản phải thu các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 34.

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán nguyên liệu thuốc lá	350.980.323.950	634.943.921.921
Giá vốn dịch vụ sơ chế tách cọng thuốc lá	88.928.309.561	59.461.660.752
Giá vốn dịch vụ khác	24.204.942.765	29.148.461.075
Cộng	464.113.576.276	723.554.043.748

26. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.512.508	48.788.691
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	108.565.475	390.252.073
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	50.431.403	243.099.326
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.593.790.884	332.716.835
Cộng	1.830.300.270	1.014.856.925

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	9.900.751.334	10.302.608.881
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	102.811.502	41.608.198
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	61.917.595	275.249.610
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	(154.221.810)
Cộng	10.065.480.431	10.465.244.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	178.771.241	155.727.335
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	517.212.630	422.962.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.704.378.322	10.380.153.578
Chi phí khác bằng tiền	54.624.515	44.692.179
Cộng	24.454.986.708	11.003.535.393

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	17.362.039.322	18.801.507.093
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.862.275.694	1.644.849.936
Chi phí khấu hao	5.119.961.250	5.871.325.886
Chi phí thuế, phí và lệ phí	550.578.000	467.694.522
Chi phí dự phòng nợ phải thu	(375.680.295)	(2.342.445.259)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.232.836.264	8.798.773.887
Chi phí tiếp khách hội nghị	3.594.588.333	3.323.347.964
Chi phí khác bằng tiền	9.429.409.570	6.319.312.079
Cộng	47.776.008.138	42.884.366.108

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	53.212.380.004	47.016.884.462
Chi phí nguyên vật liệu	439.482.090.103	301.990.959.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.092.849.033	20.815.833.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.325.762.876	56.435.439.214
Chi phí bằng tiền khác	18.376.180.036	11.416.498.822
Cộng	620.489.262.052	437.675.615.821

31. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập khác	103.077.979.162	90.349.185.455
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	51.772.727	346.363.637
Thu tiền bồi thường hòa hoãn (1)	102.963.955.526	90.000.000.000
Các khoản khác	62.250.909	2.821.818
Chi phí khác	101.867.299.318	90.446.152.597
Giá trị tổn thất tương ứng với số tiền bảo hiểm nhận được (1)	102.963.955.526	90.000.000.000
Chi phí thanh lý tài sản sau hoà hoãn	-	304.545.455
Giá trị ước tính hàng hóa, tài sản tổn thất quyết toán bảo hiểm	(1.097.859.819)	-
Tiền phạt thuế	1.203.611	127.805.734
Các khoản khác	-	13.801.408
Lợi nhuận khác	1.210.679.844	(96.967.142)

(1): Bảo hiểm Bảo Minh trả nốt khoản bồi thường bảo hiểm cho Công ty: 102.963.955.526 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.045.097.467	15.045.582.902
Kết chuyển lỗ năm 2015	10.024.580.834	15.045.582.902
Chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN	277.203.611	-
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	276.000.000	-
Khoản khác	1.203.611	-
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	6.297.720.244	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (%)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.259.544.049	-

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản	14.785.553.418	15.045.582.902
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.202.003	11.202.003
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.320	1.343

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mua hàng hóa dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
CN Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam - Trung tâm đào tạo Vinataba	-	11.000.000
CN Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Thuốc lá	112.930.921	17.090.906
Công ty TNHH MTV thuốc lá Thăng Long	10.226.031.438	4.973.478.245
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	477.376.000	19.610.000
Công ty Cổ phần Hòa Việt	12.064.000	-
Công ty TNHH Hải Hà - KOTOBUKI	295.584.000	-

Bán hàng

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	206.282.207.186	238.456.084.925
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	111.918.967.000	335.859.164.300
Công ty TNHH MTV Viện thuốc lá	6.367.143.984	5.732.865.962
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	22.830.481.000	14.517.489.600
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	569.153.000	5.407.992.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	5.665.000.000	2.550.000.000
Công ty liên doanh BAT- Vinataba	33.422.899.260	66.284.678.773
Công ty TNHH Vinataba- Philip Morris	12.153.654.600	20.459.383.600
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	9.884.966.000	10.261.109.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	-	2.222.700.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	6.853.394.560	-
Cộng	415.947.866.590	701.751.468.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	276.000.000	218.500.000
Thù lao	276.000.000	218.500.000
Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị	2.656.529.226	1.874.753.927
Lương	2.656.529.226	1.874.753.927
Cộng	2.932.529.226	2.093.253.927

Số dư với các bên liên quanPhải trả các bên liên quan:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.987.615.255	25.987.615.255
Tổng công ty thuốc lá Việt Nam	25.987.615.255	25.987.615.255
Phải trả người bán	13.435.000	255.928.000
Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki	-	144.702.000
Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	-	21.996.000
Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Trung tâm đào tạo	-	18.000.000
Chi nhánh Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Thuốc lá	13.435.000	71.230.000
Phải trả khác ngắn hạn	-	7.077.961.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	-	65.864.535.829
Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	-	6.463.589.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	-	25.902.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	-	160.000.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	-	328.470.000
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	-	100.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	25.900.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	-	25.900.000
Người mua trả tiền trước	6.535.000.000	15.008.900.000
Công ty liên doanh BAT - VINATABA	6.535.000.000	15.008.900.000

Phải thu các bên liên quan:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	665.610.584	11.466.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	70.026.788.600	51.119.057.750
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	2.666.160.000	11.982.800.000
Công ty TNHH MTV thuốc lá An Giang	-	3.920.000.000
Công ty TNHH thuốc lá Đà Nẵng	-	227.700.000
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	1.695.616.253	224.548.430
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	73.758.500	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	4.370.000.000	-
Cộng	79.497.933.937	67.485.572.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

35. THÔNG TIN VỀ VỤ HÒA HOẠN NGÀY 19/08/2015

Ngày 19/08/2015, Công ty đã xảy ra hòa hoãn tại kho hàng hóa gây thiệt hại các loại nguyên liệu thuốc lá lá, thuốc lá đã tách cọng và tài sản là kho chứa với giá gốc ước tính được ghi nhận khoảng 309 tỷ đồng, bao gồm giá trị hàng hóa và tài sản của Công ty và khách hàng gửi kho (Theo Biên bản làm việc giữa Công ty với Công ty Thuốc lá Thăng Long ngày 30/10/2015, Công ty đã ghi nhận khoản phải trả Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long tương khoảng 139 tỷ đồng bao gồm giá gốc hàng hóa gửi kho Công ty và chi phí có liên quan do hòa hoãn ngày 19/08/2015).

Ngay sau khi xảy ra hòa hoãn, Ban lãnh đạo Công ty đã phối hợp tích cực với các bên có liên quan để giải quyết có hiệu quả công việc khôi phục sản xuất, ổn định tình hình kinh doanh, làm việc với các chủ nợ như Ngân hàng để gia hạn nợ, giảm lãi, cân đối lại kế hoạch dòng tiền nhằm đảm bảo hoạt động liên tục của Công ty trong ngắn hạn cũng như dài hạn. Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam là Công ty mẹ cùng với các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam đã thực hiện kịp thời các biện pháp hỗ trợ Công ty như trả ngay các khoản nợ, tiếp tục mua hàng và thanh toán nhanh tiền mua hàng...

Toàn bộ giá trị hàng hóa bị tổn thất do hòa hoãn nói trên đã được mua bảo hiểm hòa hoãn và các rủi ro đặc biệt tại Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh - Bảo Minh Bắc Ninh (gọi tắt là "Bảo Minh") theo Hợp đồng bảo hiểm số AD0011/15CB24108 ngày 19/04/2015 và các Phụ lục đính kèm.

Theo kết luận điều tra số 1080/PC45 ngày 02/10/2015 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bắc Ninh, nguyên nhân vụ hòa hoãn "Do chất diệt côn trùng Nhôm phot phua (AIP) gặp độ ẩm cao, hoặc bị ngấm nước gây phản ứng hóa học tự nhiên phát cháy, bén cháy vào các kiện mảnh lá thuốc lá dẫn đến vụ cháy nói trên".

Theo Biên bản làm việc ngày 05/11/2015 giữa Công ty và Bảo Minh, căn cứ theo kết luận nguyên nhân hòa hoãn, Bảo Minh đã xem xét và xác định tổn thất do hòa hoãn ngày 19/08/2015 của Công ty hoàn toàn nằm trong phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty với Bảo Minh, chưa phát sinh điểm loại trừ.

Căn cứ vào các hồ sơ pháp lý nói trên, ngày 14/10/2015, Công ty đã gửi Bảo Minh Đơn yêu cầu bồi thường giá trị tổn thất ước tính theo giá hợp lý phù hợp với Hợp đồng bảo hiểm với số tiền khoảng 351 tỷ đồng kèm theo Giấy đề nghị tạm ứng lần 1 là 50% giá trị yêu cầu bồi thường.

Căn cứ theo quy định của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và sự kiện hòa hoãn ngày 19/08/2015, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý, thận trọng ảnh hưởng của sự kiện hòa hoãn ngày 19/08/2015 để ghi nhận một khoản chi phí dự phòng khoảng 62,3 tỷ đồng trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và được chuyển tiếp số dư sang Báo cáo tài chính của năm 2016.

Ngày 04/12/2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo Minh đã có Thông báo bồi thường chung cho vụ hòa hoãn ngày 19/08/2015 gửi Công ty. Theo đó tổng số tiền bồi thường là 242.963.955.526 đồng. Ngày 20/12/2017 Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 922/NQ-NSC về việc Chấp thuận số tiền bồi thường của Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh cho vụ hòa hoãn ngày 19/08/2015.

Đến ngày 31/12/2017, Tổng công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo Minh đã thanh toán toàn bộ số tiền bồi thường bảo hiểm trên cho Công ty. Cụ thể: bồi thường lần 1 ngày 01/12/2015 số tiền 50 tỷ đồng, đợt 02 ngày 04/02/2016 số tiền 50 tỷ đồng và đợt 3 ngày 16/09/2016 số tiền 40 tỷ đồng, đợt 04 ngày 09/01/2017 số tiền 60 tỷ đồng và đợt cuối ngày 26/12/2017 số tiền 42,963 tỷ đồng.

Trong báo cáo tài chính năm 2017, Công ty đã thực hiện tất toán số dư các khoản mục có liên quan và ghi sổ kế toán theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty thuê 80.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh theo Hợp đồng thuê đất số 06/2008/CTHT-HĐKT ngày 01/11/2008, thời hạn thuê 49 năm 3 tháng, kể từ ngày 23/9/2000 với Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng. Trong đó:

- Phí sử dụng cơ sở hạ tầng là 5.354 đồng/m²/năm chưa bao gồm thuế GTGT, tổng cộng tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng mà công ty phải thanh toán cho 49,25 năm là 22.989.950.287 đồng;
- Phí dịch vụ công nghiệp và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 0,30 USD/m²/năm chưa bao gồm thuế GTGT, tổng cộng tiền thanh toán phí dịch vụ công nghiệp và bảo dưỡng hạ tầng mỗi năm là 26.400 USD;
- Tiền thuê đất thực hiện theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 71/GCNUĐĐT-BN ngày 20/01/2005 của UBND tỉnh Bắc Ninh, Công ty được miễn nộp tiền thuê đất 10 năm đầu và giảm 50% cho những năm hoạt động còn lại của Dự án.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và các khoản nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, các khoản nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.17.

	<u>Giá trị ghi sổ</u> 31/12/2017 VND	<u>Giá trị ghi sổ</u> 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.236.501.108	18.841.107.724
Các khoản phải thu ngắn hạn	150.046.654.393	90.625.389.673
Cộng tài sản tài chính	160.283.155.501	109.466.497.397
Các khoản nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn dài hạn	168.966.331.783	141.544.387.560
Phải trả người bán ngắn hạn	83.881.834.403	33.445.271.951
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.500.216.449	7.092.207.983
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.955.314.587	137.087.459.813
Cộng các khoản nợ tài chính	266.303.697.222	319.169.327.307

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp bảo đảm do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và các khoản nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

	Tài sản tài chính		Các khoản nợ tài chính	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
Đô la Mỹ	25.011.420.851	15.075.946.217	38.077.879.860	8.393.970.300

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi

Quản lý rủi ro đầu tư công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa các khoản nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với các khoản nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của các khoản nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại 01/01/2017			
Vay và nợ ngắn, dài hạn	133.150.417.260	8.393.970.300	141.544.387.560
Phải trả người bán ngắn hạn	33.445.271.951	-	33.445.271.951
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.092.207.983	-	7.092.207.983
Các khoản phải trả, phải nộp khác	137.087.459.813	-	137.087.459.813
Cộng	<u>310.775.357.007</u>	<u>8.393.970.300</u>	<u>319.169.327.307</u>
Tại 31/12/2017			
Vay và nợ ngắn, dài hạn	140.541.331.783	28.425.000.000	168.966.331.783
Phải trả người bán ngắn hạn	83.881.834.403	-	83.881.834.403
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.500.216.449	-	5.500.216.449
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.955.314.587	-	7.955.314.587
Cộng	<u>237.878.697.222</u>	<u>28.425.000.000</u>	<u>266.303.697.222</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức độ đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết thể hiện được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở các khoản nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.841.107.724	-	18.841.107.724
Các khoản phải thu ngắn hạn	90.625.389.673	-	90.625.389.673
Cộng	<u>109.466.497.397</u>	<u>-</u>	<u>109.466.497.397</u>
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.236.501.108	-	10.236.501.108
Các khoản phải thu ngắn hạn	150.046.654.393	-	150.046.654.393
Cộng	<u>160.283.155.501</u>	<u>-</u>	<u>160.283.155.501</u>

38. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá lá. Ngoài ra, Công ty còn hoạt động kinh doanh phân bón, vận chuyển... Doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 2% trong tổng doanh thu. Về mặt địa lý, Công ty bán hàng chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam (doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 6% tổng doanh thu). Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2017 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán An Việt.

Người lập biểu



Nguyễn Bích Hiền

Kế toán trưởng



Phạm Thành Liêm

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn